

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 4,060 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -1.7% | -12.7% | -18.8% |

| | |
|-----------------------|---------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 2,900 - 6,630 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 457 |
| Số lượng CPLH (CP) | 112,652,767 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 192,185 |
| Sở hữu nước ngoài | 1.3% |
| Beta | 0.82 |
| EPS | -344 |
| P/E | -11.8 |

DT thuần

Q1/24

10.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼24.6| -70.8%

YoY: ▼37.8| -78.8%

LN trước thuế

Q1/24

-1.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 33.9| 95.3%

YoY: ▲ 8.82| 84.0%

LN sau thuế

Q1/24

-1.69

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.1| 95.3%

YoY: ▲ 9.01| 84.2%

ROA

2023

-4.5%

+/- YoY: ▼ 4.8%

DT thuần

2023

120

tỷ VNĐ

YoY: ▼53.0| -30.3%

LN trước thuế

2023

-61.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼79.7| -448%

LN sau thuế

2023

-62.8

tỷ VNĐ

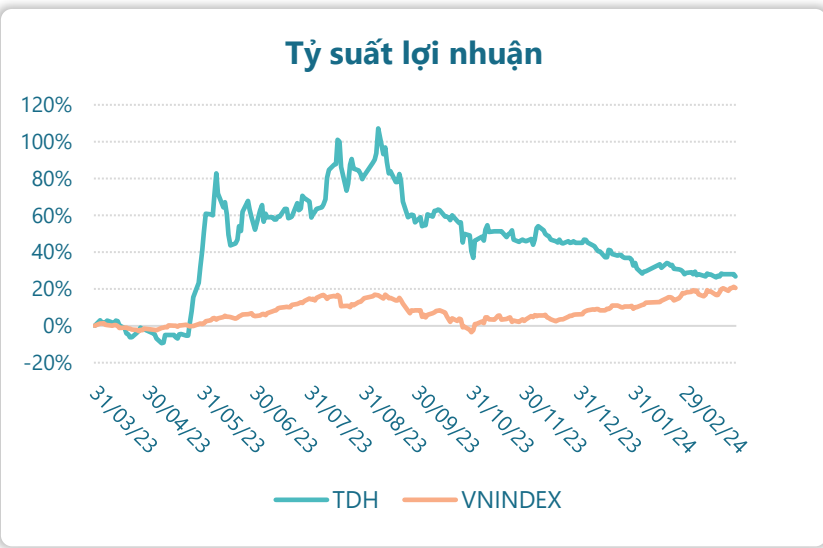
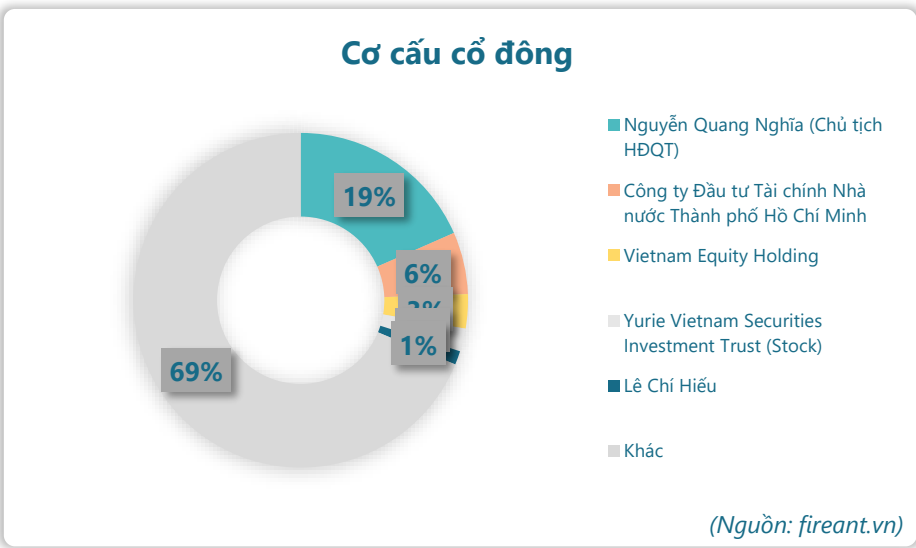
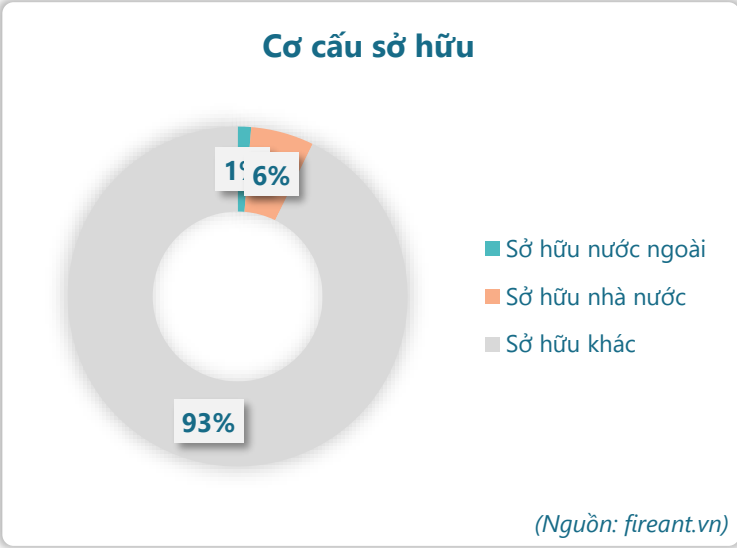
YoY: ▼70.9| -873%

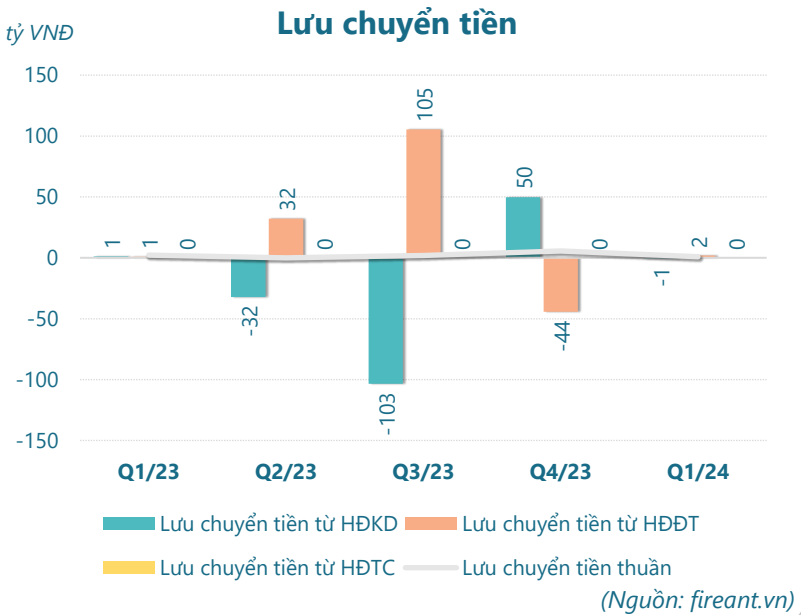
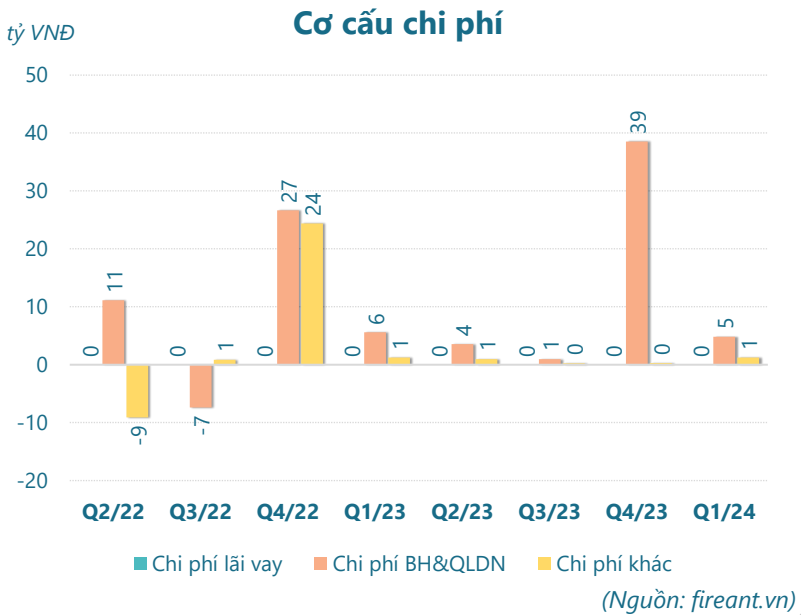
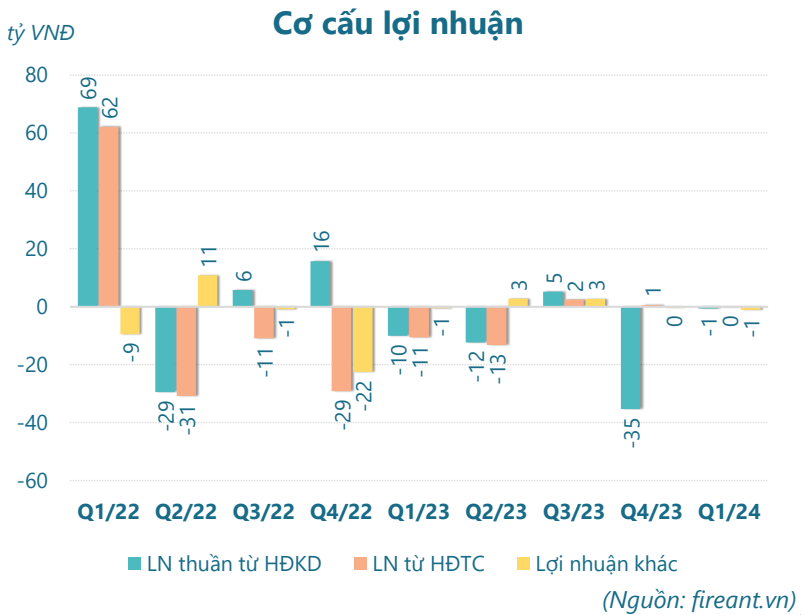
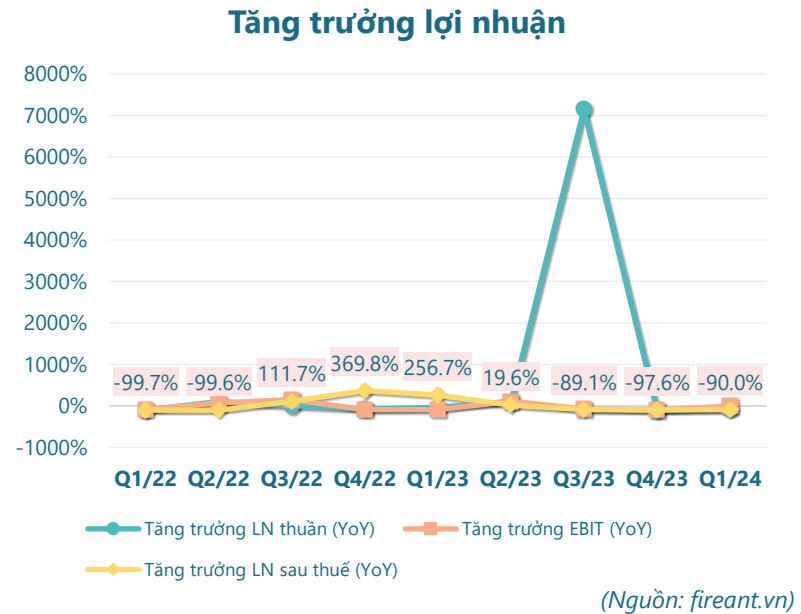
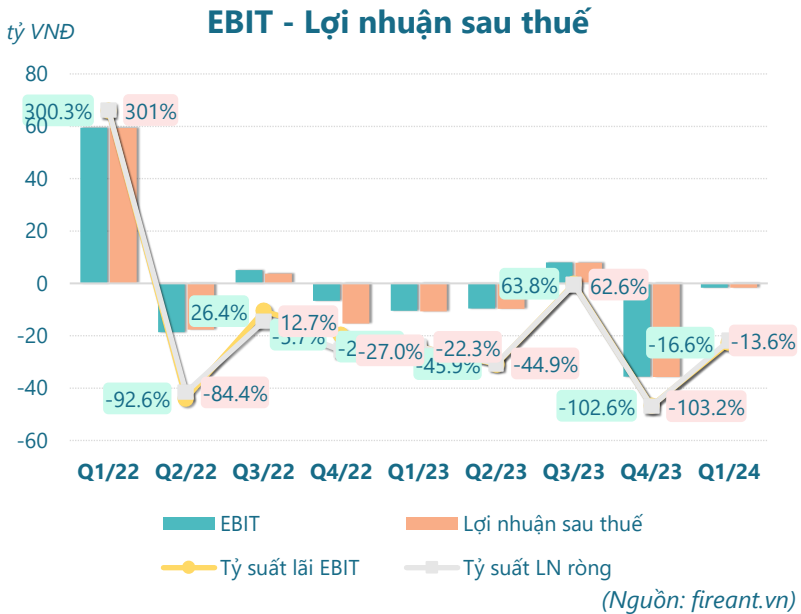
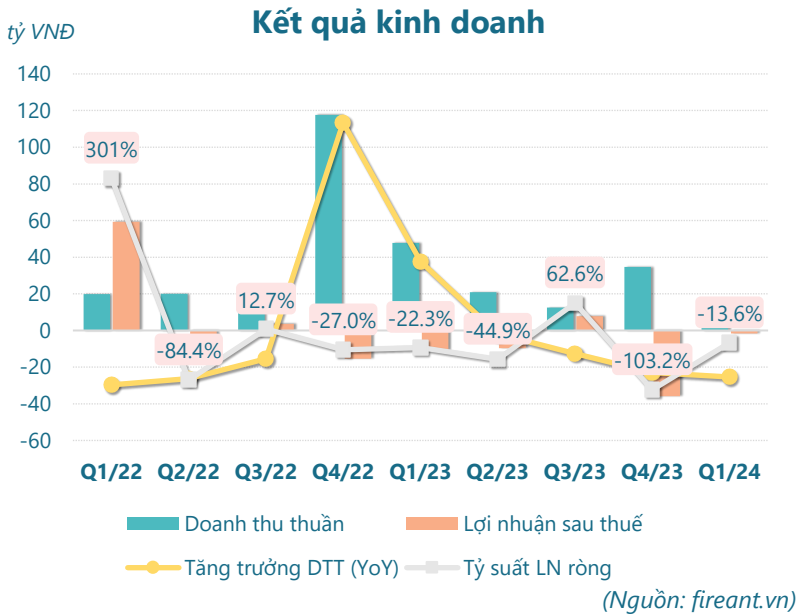
ROE

2023

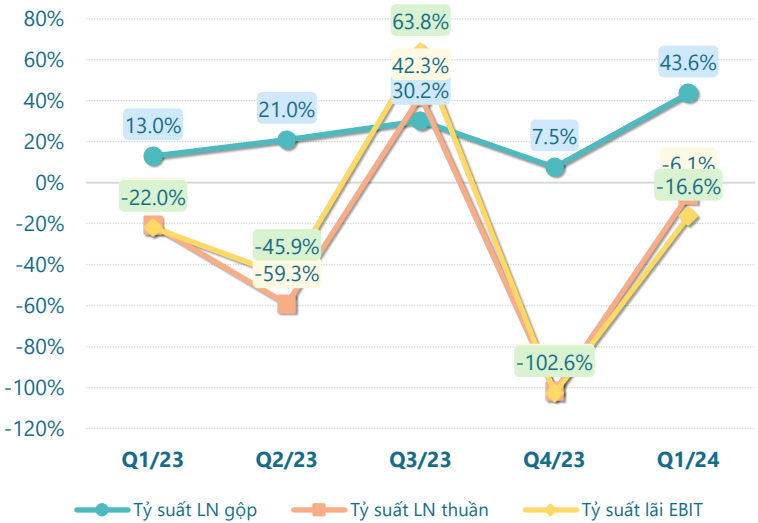
-15.3%

+/- YoY: ▼ 16.3%



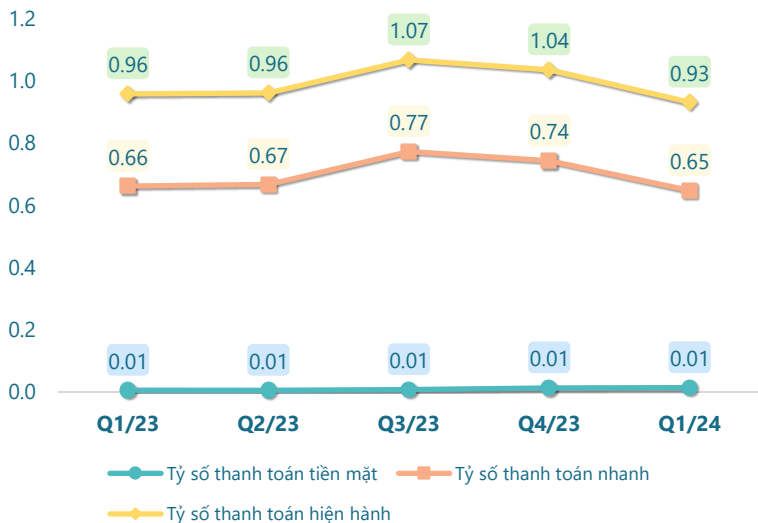


Tỷ suất lợi nhuận



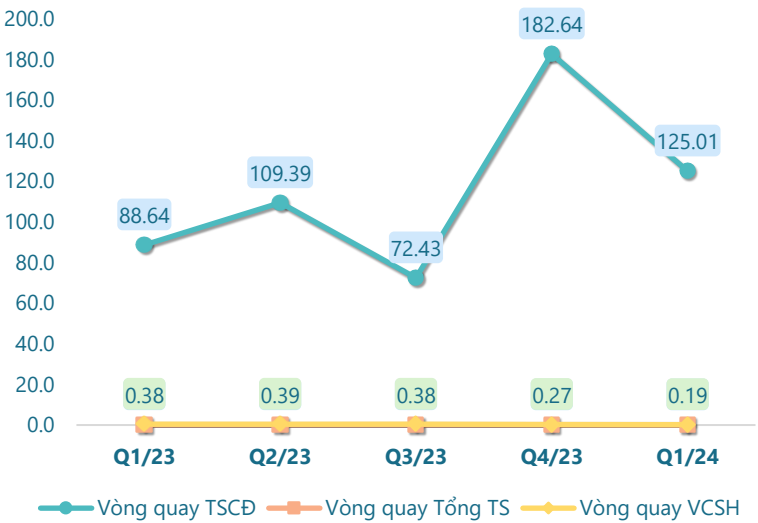
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



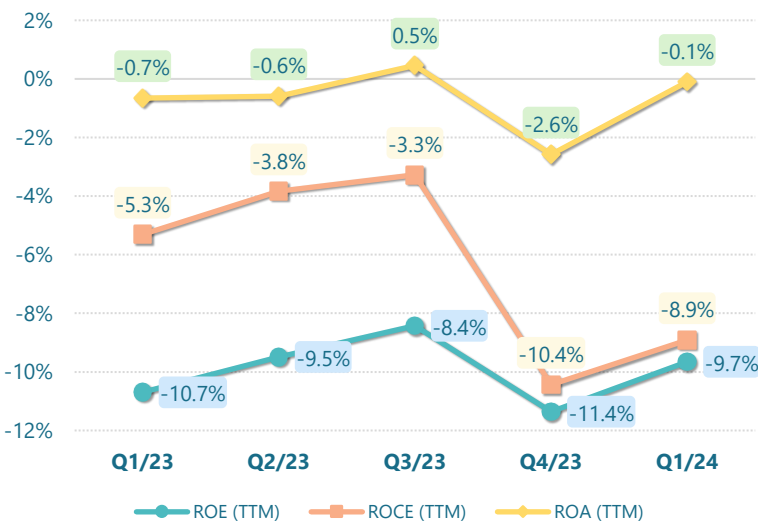
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



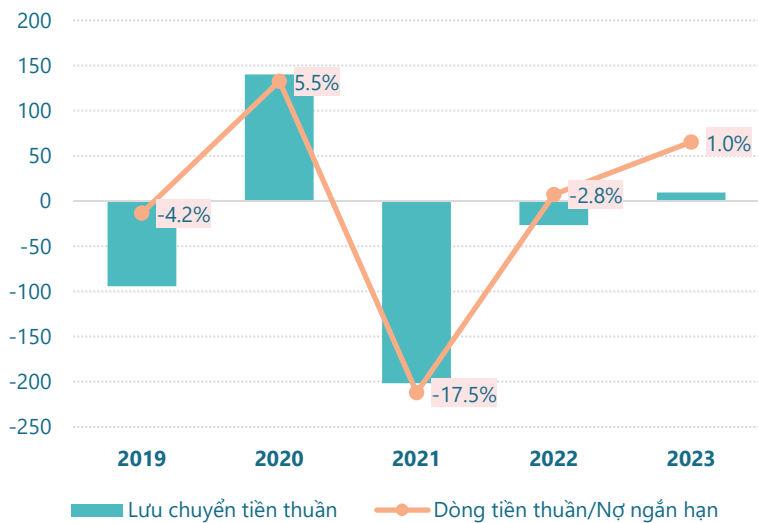
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



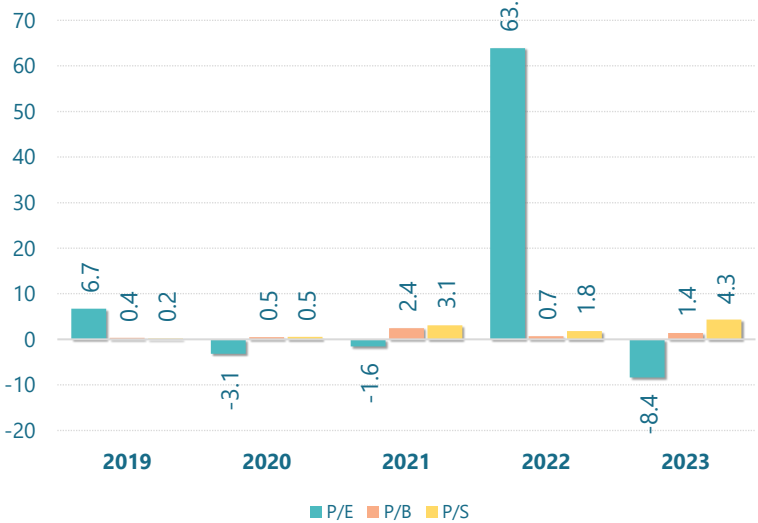
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)